

## PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CAM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Lê Hoàng Ngọc, Nguyễn Thị Dương Nga\*

*Khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Email\*: ngantd@gmail.com*

Ngày nhận bài: 26.05.2015

Ngày chấp nhận: 01.04.2016

### TÓM TẮT

Sản xuất cam tại huyện Quỳnh Hợp tỉnh Nghệ An đã trở thành hoạt động kinh tế quan trọng, tạo nguồn sinh kế và giải quyết việc làm cho nông dân địa phương. Tuy vậy, việc gia tăng nhanh chóng diện tích cam trong vòng 3 năm qua tại huyện cũng đặt ra câu hỏi về chất lượng của sự tăng trưởng này. Nghiên cứu này dựa trên số liệu thứ cấp và số liệu điều tra 89 hộ và trang trại trồng cam, kết hợp với phỏng vấn chuyên sâu các cán bộ, thương lái trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy các hộ sản xuất cam với quy mô bình quân 1,73 ha/hộ, mang lại thu nhập trên 300 triệu đồng/ha/vụ. Tuy vậy, việc mở rộng quy mô diện tích chưa gắn liền với tổ chức sản xuất hình thành vùng hàng hóa lớn và liên kết chặt chẽ trong tiêu thụ. Bên cạnh đó, sâu bệnh phá hoại, chất lượng các đầu vào, hạ tầng sản xuất, là những yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả và hiệu quả sản xuất cam. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hơn nữa phát triển sản xuất cam, khai thác tiềm năng và lợi thế trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp.

Từ khóa: Cam, phát triển sản xuất, Quỳnh Hợp.

### Development of Orange Production in Quy Hop District, Nghe An Province

#### ABSTRACT

Orange production in Quy Hop district, Nghe An province is an important economic activity, which provides livelihoods and jobs for local farmers. However, the accelerating expansion of orange area in 2012-2014 period also poses a question on the quality of the growth. The study employed secondary data and primary data collected from a survey of 89 farm households, in depth interviews with government officers and orange traders in Quy Hop district. Results show that orange production has brought a considerable income for farmers, with average size of orange farm of about 1.73ha, generating more than VND 300 million/ha/season. However, while orange area is rapidly expanded, the organization of production towards commercial and large scale with cooperation/linkages in production and marketing is still very weak. Besides, farmers face with a number of problems in production, especially pest, diseases, input quality, irrigation and transportation. Some recommendations were proposed to promote orange production and to exploit natural advantage in Quy Hop district.

Keywords: Orange production, Quy Hop.

#### 1. MỞ ĐẦU

Cam là cây trồng mang lại nguồn thu nhập cao cho người dân Quỳnh Hợp góp phần xây dựng thương hiệu “Cam Vinh” ngày càng vững chắc cho tỉnh Nghệ An. Trong những năm gần đây, sản xuất cam ở các huyện vùng Tây Bắc Nghệ An nói chung và huyện Quỳnh Hợp nói riêng ngày càng phát triển cả về diện tích cũng như trình độ thâm canh. Theo số liệu thống kê năm 2014,

diện tích cam của huyện Quỳnh Hợp đạt khoảng 1.100 ha, gấp gần 2 lần so với năm 2012. Tuy nhiên tăng trưởng này được đánh giá là tự phát, manh mún (Vân Nhi, 2014), bộc lộ một số vấn đề như chất lượng cam chưa đồng đều, giá cả phụ thuộc nhiều vào thương lái nên thu nhập của người trồng cam còn chưa ổn định. Do vậy, xác định các nguyên nhân cản trở và cơ hội phát triển sản xuất cam tại huyện Quỳnh Hợp có ý nghĩa thiết thực đối với người dân và chính

quyền địa phương. Nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng phát triển sản xuất cam tại huyện Quỳnh Hợp trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển sản xuất cam tại huyện trong thời gian tới.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thu thập số liệu

*Chọn điểm nghiên cứu:* Năm 2014, Huyện Quỳnh Hợp có diện tích tự nhiên khoảng 94.172ha, bao gồm 1 thị trấn, 20 xã, trong đó có 11 xã có diện tích trồng cam, xã có diện tích cam lớn nhất là Minh Hợp (750ha) và Bắc Sơn (2ha). Ba xã được chọn dựa trên tiêu chí tiềm năng phát triển sản xuất cam, gồm Minh Hợp, Văn Lợi, và Nghĩa Xuân.

*Chọn mẫu nghiên cứu:* Đối tượng thu thập thông tin sơ cấp bao gồm các hộ và trang trại trồng cam. Trong đó, có 20 trang trại có trồng cam được chọn ngẫu nhiên, 69 hộ được chọn ngẫu nhiên phân tầng theo 3 quy mô phổ biến: 44 hộ có quy mô dưới 1,5ha; 20 hộ có quy mô trồng cam từ 1,5 - 2,5ha và 5 hộ có quy mô trên 2,5ha. Nội dung phỏng vấn về tình hình sản xuất, tiêu thụ cam, khó khăn và kế hoạch sản xuất trong thời gian tới. Phỏng vấn sâu được thực hiện với một số cán bộ huyện, xã phụ trách nông nghiệp, 11 người buôn bán cam tại địa phương về giá cả, các khó khăn và cơ hội cho phát triển sản xuất cam tại địa phương.

### 2.2. Phân tích số liệu

Phương pháp phân tích số liệu bao gồm bao gồm thống kê mô tả và thống kê so sánh các số bình quân. Phân tích phương sai ANOVA được sử dụng để kiểm định một số giá trị bình quân giữa các quy mô sản xuất. Hạch toán chi phí và kết quả sản xuất cũng được sử dụng trong phân tích kinh tế của hoạt động sản xuất cam của các hộ. Một số chỉ tiêu kết quả và hiệu quả sản xuất cam được tính chung cho toàn bộ mẫu điều tra. Phân tích chi phí – lợi ích với chỉ tiêu giá trị hiện tại thuần (NPV) và hệ số hoàn vốn nội bộ (IRR) để cung cấp thêm thông tin về hiệu quả trong sản xuất cam, với giả định các biến như

giá đầu vào, giá đầu ra, công nghệ... không thay đổi và chu kỳ sản xuất cam phổ biến hiện nay ở huyện là 12 năm.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Thực trạng phát triển sản xuất cam tại huyện Quỳnh Hợp

Trước năm 2002, cam trên địa bàn được trồng và quy hoạch chủ yếu ở Xã Tam Hợp huyện Quỳnh Hợp do hai nông trường tổ chức chỉ đạo các công nhân trực tiếp sản xuất là Nông trường quốc doanh Xuân Thành và Nông trường Quốc doanh 3/2 (nay lần lượt là Công ty TNHH một thành viên Nông nghiệp Xuân Thành, và công ty TNHH một thành viên Nông công nghiệp) (Sau đây gọi chung là Công ty Nông nghiệp CTNN). Từ năm 2002 sau khi các nông trường thực hiện cơ chế khoán theo Nghị định ND01/CP chính phủ và quyết định số 82 của tỉnh Nghệ An, các nông trường thực hiện cổ phần hóa giao khoán đất đến các hộ sản xuất là con em cán bộ, công nhân viên của nông trường. Từ năm 2007, sau khi được Cục Sở hữu trí tuệ bảo hộ chỉ dẫn địa lý thương hiệu cam Vinh, cây cam Quỳnh Hợp có điều kiện phát triển mạnh. Trung tâm nghiên cứu cây ăn quả Phủ Quỳnh đã hỗ trợ trồng thêm hai giống cam mới Xã Đoài và V2, cam Xã Đoài có chất lượng cao, phục vụ thị trường vào dịp Tết. Ngoài ra, các CTNN và phòng nông nghiệp huyện có tập huấn kỹ thuật cho các hộ nông dân, cung ứng vật tư đầu vào trả chậm cho các hộ. Hiện nay các đơn vị sản xuất cam chủ yếu là hộ nông dân và các trang trại. Nhiều hộ đã mạnh dạn chuyển đổi diện tích cây mía có hiệu quả kinh tế thấp sang trồng cam.

Tổng diện tích cam của toàn huyện đạt xấp xỉ 1.100 ha năm 2014, gấp gần 2,5 lần so với năm 2012 (Bảng 1). Tuy vậy, có thể thấy năng suất cam khá chững khoảng 19 tấn/ha và có xu hướng giảm nhẹ qua ba năm, do ảnh hưởng của thời tiết và nhiều yếu tố khác. Các giống cam chủ yếu trồng trên địa bàn huyện là cam V2, cam Xã Đoài, Cam Vân Du, Cam Bù (Quýt PQ). Hiện nay chưa có thống kê đầy đủ diện tích từng giống cam trên địa bàn huyện.

**Bảng 1. Diện tích và sản lượng, năng suất Cam của huyện Quỳnh Hợp qua các năm**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	So sánh (%)		
					13/12	14/13	BQ
Tổng diện tích	Ha	434,0	766,9	1.078,1	176,7	140,6	157,6
DT trồng mới	Ha	14,0	308,5	306,1	2.203,6	99,2	467,6
DT cho thu hoạch (ha)	Ha	420,0	458,4	772,0	109,1	168,4	135,6
Năng suất	Tấn/ha	19,2	18,9	19,0	98,4	100,5	99,5
Sản lượng	Tấn	8.064,0	8.663,8	14.668,0	107,4	169,3	134,9

Nguồn: Số liệu thống kê phòng Nông nghiệp huyện Quỳnh Hợp

**Bảng 2. Thông tin chung về nông hộ và trang trại trồng cam**

Chỉ tiêu	ĐVT	Trang Trại (n = 20)	Hộ trong NT (n = 59)	Hộ ngoài NT (n = 10)	Chung
Chủ hộ là nam	%	75,0	67,8	90,0	70,8
Tuổi chủ hộ	Năm	46,7	50,6	47,0	49,3
Lao động NN	Người	1,9	2,2	2,6	2,2
Số năm trồng cam	Năm	10,3	10,9	6,7	10,3
Diện tích cam	Ha	2,06	1,68	1,34	1,73

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2015

### 3.2. Thực trạng phát triển sản xuất cam tại các hộ nông dân và trang trại ở huyện Quỳnh Hợp

#### 3.2.1. Thông tin chung về hộ và trang trại trồng cam

Trên 70% chủ hộ và trang trại đều là nam, tuổi trung bình của các chủ hộ và trang trại tương đối cao (trên 49 tuổi) và trình độ học vấn chủ yếu hết cấp 2. Các hộ và trang trại đã trồng cam từ khá lâu, bình quân số năm kinh nghiệm trong trồng cam của chủ hộ/ trang trại là 10 năm (Bảng 2). Không có sự khác biệt lớn giữa các hộ và trang trại về đặc điểm chủ hộ, nhưng các hộ trồng cam ngoài CTNN có số năm kinh nghiệm dường như ít hơn. Diện tích cam bình quân của các hộ và trang trại là 1,73 ha, chiếm trên 60% tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ, trong đó theo kết quả điều tra trên 90% diện tích là các hộ được các CTNN giao khoán để trồng cam, diện tích còn lại là do một số hộ và trang trại đã chuyển đổi diện tích hoặc chủ động thuê đất trồng cam của các hộ khác.

#### 3.2.2. Cơ giới hóa trong sản xuất cam

Theo số liệu điều tra, gần 30% số hộ và trang trại đầu tư mua máy cày đất để phục vụ sản xuất, hầu hết các hộ còn lại thuê máy thậm chí một số hộ cày bằng trâu (khoảng 80% diện tích cam được cày bằng máy). Tất cả các hộ, trang trại đã đầu tư máy bơm và sử dụng bình phun thuốc sâu, khoảng 60% hộ là đã đầu tư bình phun bằng máy. Riêng các hộ gia đình trồng cam quy mô lớn và trang trại hầu hết đã đầu tư máy cắt cỏ và các loại máy khác như máy phun thuốc, máy bơm nước động cơ công suất lớn. Việc thu hoạch và vận chuyển chủ yếu sử dụng nhân công, các thương lái sử dụng phương tiện vận chuyển mua tại vườn.

#### 3.2.3. Thông tin vườn cam của các hộ và trang trại

Trong 1,73ha đất trồng cam, 74% diện tích của các hộ, trang trại điều tra ở thời kỳ kinh doanh, chủ yếu vườn cam đang trong thời kỳ đỉnh cao cho quả, cụ thể ở giai đoạn sáu năm (23,6% số hộ) và bảy năm tuổi (31,5% số hộ).

Giống cam chủ yếu là Xã Đoài và V2 (được trồng nhiều nhất bởi khoảng 2/3 số hộ và trang trại). Đây là hai loại giống cam có chất lượng tốt, được đánh giá là hai loại cam ngon nhất, song yêu cầu rất cao về kỹ thuật chăm sóc và chất đất. Khoảng 40% hộ trồng quýt PQ - đây giống dễ tính và cho năng suất, tỉ lệ đậu quả cao nhất. Vân Du là giống cho năng suất cao, ít sâu bệnh song vị ngon không bằng hai giống V2 và Xã Đoài.

### 3.2.4. Năng suất và sản lượng cam năm 2014

Năng suất quýt PQ cao nhất trong số các giống cam, đạt khoảng gần 29 tấn/ha, tiếp theo là cam Vân Du đạt 18 tấn/ha, cam V2 và Xã Đoài có năng suất thấp hơn, đạt lần lượt là 9,51 tấn/ha và 15,93 tấn/ha (Bảng 2). Hai giống cam này khó tính, kén đất, rất nhiều sâu bệnh, tỉ lệ đậu quả thấp. Vì vậy, năng suất thấp; đặc biệt là giống V2 có những hộ năng suất chỉ đạt 2,5 đến 3 tấn/ha. Kiểm định ANOVA cho thấy không có sự khác biệt đáng kể năng suất các giống cam V2, Vân Du và Quýt PQ giữa các hộ và trang trại, trừ giống cam Xã Đoài (Bảng 3) do có sự khác biệt đầu tư và tuổi cây giữa các trang trại và hộ. Tổng sản lượng cam bình quân mỗi hộ và trang trại đạt 21,24 tấn/hộ trong niên vụ 2014 - 2015.

### 3.2.5. Liên kết trong sản xuất cam

Mặc dù sản xuất được khối lượng cam khá lớn song hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế. Khoảng 1/3 số hộ, trang trại kết hợp mua chung phân bón, giống cây trồng từ các địa phương khác. Hộ cùng các trang trại hợp tác, trao đổi thông tin về giá cả thị trường (trên 97% hộ điều tra). Ngoài ra, với các hộ sản xuất

thuộc diện tích đất giao khoán CTNN, đều được các CTNN phối hợp với các tổ chức Nhà nước, các doanh nghiệp tập huấn kỹ thuật cho các hộ trồng cam, cung cấp cây giống và đứng ra làm tín chấp cho các hộ nông dân vay phân bón trả chậm. Trên 38% số hộ và trang trại được điều tra điều tra trả lời có hợp tác với doanh nghiệp hoặc tư thương là những người cung cấp đầu vào phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, cây giống. Gần 20% số hộ và trang trại được điều tra trả lời có hợp tác với các hộ bán buôn, thương lái song sự liên kết này chỉ bằng miệng dễ thay đổi, mức giá mua đầu vào và đầu ra phụ thuộc vào thị trường từng mùa vụ, từng năm.

### 3.2.6. Tiêu thụ sản phẩm

Kênh tiêu thụ sản phẩm cam Quỳnh Hợp khá đơn giản, nông dân bán toàn bộ cam cho người mua buôn (địa phương và ngoài tỉnh). Theo phỏng vấn người mua buôn ngoài huyện, khoảng 59% lượng cam được thương lái mua và bán cho người bán lẻ và người tiêu dùng tại thành phố Vinh. Khoảng 1/4 lượng cam của các hộ, trang trại theo các lái buôn ở các huyện khác về các thị trường khác trong tỉnh. Khối lượng cam còn lại của các hộ theo các thương lái ngoài tỉnh được tiêu thụ tại các thị trường như Thanh Hóa và Hà Nội.

### 3.2.7. Kết quả và hiệu quả kinh tế trong sản xuất cam

Sản xuất cam là hoạt động mang lại thu nhập lớn cho nông dân Quỳnh Hợp, vụ cam 2013-2014, bình quân doanh thu mỗi hộ/trang trại là 422,38 triệu đồng/ha, và thu nhập trên 300 triệu đồng/ha (Bảng 4). Tuy nhiên, có sự khác biệt về

**Bảng 3. Năng suất và sản lượng cam của các hộ và trang trại niên vụ 2014 - 2015**

	Trang trại (n=20)	Hộ trong NT(n=59)	Hộ ngoài NT(n=10)	F kiểm định	Chung (n=89)
Năng suất (tấn/ha)					
V2	10,21	7,74	9,50	2,11 <sup>NS</sup>	9,51
Xã Đoài	19,82	13,34	15,00	10,54 <sup>***</sup>	15,93
Vân Du	15,00	18,14	18,46	0,87 <sup>NS</sup>	18,14
Quýt PQ	29,00	28,27	33,13	0,72 <sup>NS</sup>	28,87
Tổng sản lượng	29,95	18,62	19,29	17,97 <sup>***</sup>	21,24

Ghi chú: \*\*\*, ns: có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và không có ý nghĩa thống kê  
 Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra, 2015

**Bảng 4. Hiệu quả kinh tế trong sản xuất cam vụ niên vụ 2014 – 2015** (tính trên 1 ha)

Chi tiêu	Trang trại (n = 20)	Hộ trong NT (n = 59)	Hộ ngoài NT (n = 10)	Kiểm định F	Chung (n = 89)
Doanh thu (TR) (triệu đồng)	627,56	358,15	391,01	17,62***	422,38
Tổng chi phí (TC) (triệu đồng)	107,16	92,52	93,98	2,17 <sup>NS</sup>	95,97
Thu nhập (MI) (triệu đồng)	520,40	265,63	297,04	19,20***	326,41
MI/LĐ gia đình (triệu đồng)	272,59	130,67	123,24	26,29***	161,73
NPV (triệu đồng)					1132,68
IRR (%)					87,39

Ghi chú: \*\*\*, ns: có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và không có ý nghĩa thống kê  
 Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra, 2015

hiệu quả kinh tế giữa trang trại và các hộ, trong đó các trang trại đạt hiệu quả kinh tế cao hơn do tiếp cận thị trường đầu vào tốt hơn, trồng giống cam chất lượng hơn (chủ yếu cam Xã Đoài), chỉ khai thác tới những năm cho đỉnh cao về năng suất rồi thay thế chứ không kéo dài như hộ nông dân. Mỗi lao động gia đình có thu nhập khoảng 160 triệu đồng/năm từ sản xuất cam

Sử dụng phân tích chi phí - lợi ích cho sản xuất cam với chu kỳ vòng đời bình quân phổ biến tại huyện là 12 năm NPV = 1.132,68 triệu đồng/ha và IRR = 87% . Điều này cho thấy, đầu

tư vào sản xuất cam trên địa bàn Quỳnh Hợp có tính khả thi cao về mặt kinh tế.

### 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển sản xuất cam tại huyện Quỳnh Hợp

Chất đất và trình độ thâm canh của hộ nông dân được đánh giá là hai yếu tố cơ bản tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất cam. Các khó khăn khác bao gồm Sâu bệnh, giống, vốn, thiếu đất sản xuất... trong đó, vấn đề về sâu bệnh, vốn, giống là các vấn đề cơ bản nhất (Bảng 5).

**Bảng 5. Đánh giá của hộ và trang trại về các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển sản xuất cam tại huyện Quỳnh Hợp** (% số hộ và trang trại)

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất cao	Cao	TB	Thấp	Rất thấp
1. Yếu tố thuận lợi					
Chất đất	10,1	36,0	53,9	0,0	0,0
Trình độ thâm canh	10,1	64,0	22,5	3,4	0,0
2. Yếu tố Khó khăn					
Vốn	24,7	24,7	34,8	12,4	3,4
Giống	18,0	40,4	34,8	6,7	0,0
Manh mún đất đai	3,4	18,0	49,4	29,2	0,0
Lao động	0,0	2,2	50,6	43,8	3,4
Giá cam thấp	0,0	3,4	43,8	3,4	49,4
Bảo quản cam	0,0	3,4	36,0	11,2	49,4
Sâu bệnh	70,8	29,2	0,0	0,0	0,0
Chất lượng đầu vào	39,3	33,7	16,9	10,1	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra, 2015

### **3.3.1. Sâu bệnh trong sản xuất cam**

Theo kết quả điều tra, gần 84% hộ có vườn cam hàng năm bị sâu xanh ăn chất diệp lục trên lá, gần 98% số hộ có vườn cam bị sâu vẽ bùa và nhện đỏ phá hoại gây quăn lá, mất diệp lục gây mỏng lá, cây hạn chế quang hợp. Ngoài ra, hiện tượng ngài chích hút quả, làm tỉ lệ đậu quả thấp, năng suất cam giảm mạnh, vỏ cam bị sần ảnh hưởng đến giá bán. Năm 2014, sâu bệnh gây hại làm mất mùa, gây tổn thất nặng nề cho các hộ, có hộ trồng cam giống V2 chỉ đạt 3 tấn/ha. Trên 80% các hộ có vườn cam đang gặp các bệnh như thán thư, ghẻ loét, vàng lá, rụng lá, gây chết róc vào mùa đông là những bệnh chủ yếu gây hại trên vườn cam của các hộ gia đình. Ngoài các sâu bệnh nói trên sâu nhớt, ruồi vàng, sâu cánh cam và bệnh nấm thối rễ, nấm cành, rỉ sắt bắt đầu xuất hiện gây hại trên vườn cam của các hộ, tuy nhiên việc phòng trừ còn chưa đạt hiệu quả mong muốn.

### **3.3.2. Giống cam**

Chất lượng giống ảnh hưởng lớn kết quả và hiệu quả sản xuất, tuy nhiên có 52,8% số hộ điều tra lo sợ và phản ánh việc nguồn giống hiện nay trên địa bàn không sạch mầm bệnh khi các cơ sở cung cấp cây giống chỉ dựa vào bên ngoài của cây để lựa chọn mắt ghép, không thực hiện quy trình làm sạch mầm bệnh trong mắt ghép. Việc cung ứng giống một phần lấy từ các CTNN, một phần từ các hộ gia đình ươm trồng mang tính tự phát nên chất lượng và độ tin cậy không cao. Vì vậy, vườn cam của các hộ gia đình xuất hiện rất nhiều sâu bệnh ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây cũng như chất lượng và mẫu mã quả. Khoảng 16% số hộ cho rằng giống cam của họ đang bị thoái hóa cho năng suất và tỉ lệ đậu quả và quả đẹp thấp, điều này ảnh hưởng không nhỏ tới khả năng mở rộng phát triển sản xuất cam. Ngoài ra, các giống cam còn khá đơn điệu chủ yếu 3 giống cam Xã Đoài, Vân Du và V2, chiếm trên 90% (UBND huyện Quỳnh Hợp, 2015).

### **3.3.3. Mạnh mún đất đai**

Trên 20% số hộ cho rằng quy mô đất trồng cam nhỏ, phân tán đang gây khó khăn cho các hộ trong vấn đề mở rộng diện tích cũng như đầu

tư thâm canh trong sản xuất cam và tiêu thụ cam, đặc biệt khi muốn liên kết với người mua lớn (ý kiến này chủ yếu của các hộ quy mô dưới 1ha và phân tán trên khoảng 3 - 4 mảnh). Do quy hoạch vùng sản xuất cam chưa có nên nông dân nhiều xã tự phát trồng cam, kể cả ở những vùng không phù hợp, dẫn đến tình trạng phát sinh sâu bệnh, năng suất, hiệu quả thấp.

### **3.3.4. Bảo quản và tiêu thụ sản phẩm**

Các kiến thức về bảo quản sản phẩm là một khái niệm hoàn toàn mới đối với 100% các hộ và trang trại được phỏng vấn mặc dù có những hộ có mức sản lượng gần 40 tấn cam/năm. Khoảng 92% các hộ chưa biết cách bảo quản cam và chưa đầu tư xây dựng các trang thiết bị như kho lạnh để bảo quản cam. Hiện chưa có nhà máy chế biến cam nào trên địa bàn huyện, sản lượng cam mới chỉ đáp ứng được thị trường trong khoảng từ tháng 10 năm trước đến tháng 4 năm sau. Trong bối cảnh diện tích mở rộng và tiêu thụ phụ thuộc hoàn toàn vào tư thương, đây là một yếu tố điểm đối với sản xuất cam tại Quỳnh Hợp. Trong tiêu thụ, do khối lượng sản phẩm lớn nên hiện tượng ép giá vẫn xảy ra đối với trên một nửa số hộ. Giá cam giao động thất thường, giảm mạnh vào 2012, hồi phục đôi chút năm 2013 song lại giảm vào năm 2014 gây ra tâm lí ngại đầu tư của các hộ nông dân và trang trại.

### **3.3.5. Thủy lợi & giao thông**

Trên 73% số hộ và trang trại đã đầu tư xây dựng khoan giếng hoặc mua các thiết bị như máy bơm nước, hệ thống dây dẫn. Tuy nhiên, gần 2/3 số hộ cho rằng họ đang gặp khó khăn trong vấn đề thiếu nước tưới cho cam tại các diện tích vùng xa, phụ thuộc vào khe suối là chính. Hệ thống điện yếu, đường điện không đảm bảo để phục vụ cho việc tưới tiêu và hầu như các hộ phải dùng dầu để chạy máy nổ bơm nước. Hệ thống giao thông không thuận tiện, hệ thống yếu đã gây khó khăn nhất định trong vấn đề sản xuất cam, làm tăng chi phí sản xuất.

### **3.3.6. Chất lượng đầu vào**

Hơn một nửa số hộ cho rằng phân bón các hộ mua vào chất lượng không tốt, các hộ nông dân nghi ngờ bị trộn với hàng giả, kém chất

lượng, ví dụ nhiều hộ phản ánh phân bón không tan, không cho kết quả như trước đây. Gần 2/3 số hộ được phỏng vấn nghi ngờ thị trường thuốc BVTV đang có nhiều vấn đề, khi các hộ nông dân chỉ mua thuốc theo quảng cáo trên bao bì hoặc một số lần trong năm các công ty thuốc BVTV về giới thiệu sản phẩm. Các hộ gia đình cho biết vườn cam có hiện tượng tỉ lệ rụng quả nhiều, quả bị sần, sần sùi màu không đẹp, lá bị vàng và bị một lớp cặn, bụi thuốc bám lại trên lá rất nhiều, sâu không chết và ngày càng xuất hiện nhiều loại sâu lạ.

### **3.4. Một số giải pháp phát triển sản xuất cam tại huyện Quỳnh Hợp**

#### **3.4.1. Tiềm năng và các điều kiện phát triển sản xuất cam**

Tất cả người mua buôn được phỏng vấn đánh giá cao chất lượng cam Quỳnh Hợp, đặc biệt có chất lượng tốt, vị ngọt thanh, có mùi thơm khác với vị ngọt đậm của các loại cam khác trên thị trường, được nhận định có tiềm năng thị trường lớn. Gần 90% số hộ và trang trại mong muốn và sẵn sàng mở rộng diện tích cam. Theo phỏng vấn cán bộ phòng nông nghiệp, tổng diện tích đất có thể trồng cam của huyện là trên 5.000ha, bởi vậy tiềm năng sản xuất còn rất lớn. Huyện Quỳnh Hợp đang có kế hoạch mở rộng, phát triển sản xuất cam, phấn đấu đến năm 2020 tổng diện tích sản xuất cam của toàn huyện đạt 2.100ha.

#### **3.4.2. Các giải pháp**

Trên cơ sở phân tích hiện trạng, các yếu tố ảnh hưởng cũng như tiềm năng phát triển sản xuất cam, các giải pháp chủ yếu phát triển sản xuất cam của huyện trong thời gian tới tập trung vào:

(i) *Giải pháp quy hoạch:* UBND huyện và phòng nông nghiệp cần đẩy nhanh tiến độ rà soát, phân loại diện tích đất phù hợp đối với các loại cây trồng để quy hoạch xây dựng vùng sản xuất hàng hóa cho từng loại cây trồng.

(ii) *Giải pháp về giống:* Do nguồn giống sạch bệnh đang là quan tâm lớn của người nông dân, cần nâng cao năng lực và hỗ trợ các trung tâm

giống của các CTNN trở thành điểm sản xuất và cung cấp cây giống chất lượng cao, sạch, đáp ứng nhu cầu sản xuất trong khu vực; hỗ trợ nông dân cải tạo vườn cam hiện có và trồng mới giống cam Xã Đoài, V2, Vân Du theo hướng sản xuất cam thâm canh, an toàn (ví dụ theo tiêu chuẩn VIETGAP). Khảo nghiệm một số giống cam mới để bổ xung giống mới có chất lượng, rải vụ cam cùng với giống cam truyền thống như: giống cam chín sớm CS, giống chín muộn V2, giống Xã Đoài chín muộn, giống quýt thu hoạch vào tháng 3 đến tháng 4.

(iii) *Giải pháp thị trường:* Chính quyền và ban ngành liên quan cần rà soát và quản lý thị trường các đầu vào như giống, phân bón, thuốc BVTV. Đối với thị trường đầu ra, cần có giải pháp đi kèm với quy hoạch vùng và phát triển các vùng sản xuất cam an toàn theo quy trình VIETGAP như kêu gọi, hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, hình thành các chuỗi sản phẩm cam của huyện Quỳnh Hợp, cũng như đầu tư xây dựng và tổ chức gắn tem, nhãn hiệu được bảo quyền cho thương hiệu Cam Vinh.

(iv) *Giải pháp kỹ thuật:* Hiện tại, sâu bệnh là một trong những quan tâm hàng đầu của hộ nông dân, do đó phòng Nông nghiệp huyện và các CTNN cần tăng cường hỗ trợ dự tính, dự báo và hướng dẫn nông dân phòng trừ dịch bệnh, tổ chức các buổi tập huấn, tham quan giới thiệu khoa học kỹ thuật mới về giống, biện pháp canh tác cho nông dân.

(v) *Giải pháp tăng cường cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và bảo quản:* Kết hợp nhiều kênh huy động vốn để xây dựng và nâng cấp mạng lưới giao thông liên huyện, liên thôn, nâng cấp hệ thống điện để phục vụ tốt hơn nhu cầu sử dụng các hộ, trang trại; cần hỗ trợ tích cực của các tổ chức đoàn thể trong vấn đề cung cấp thông tin về khoa học kỹ thuật, thị trường.

## **4. KẾT LUẬN**

Trong giai đoạn từ năm 2012 - 2014, diện tích và sản lượng cam trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp không ngừng được nâng cao với tốc độ tăng trưởng diện tích bình quân 57,6%/năm. Cơ cấu

giống cam chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng giống cam có chất lượng đồng thời phát triển thêm giống dễ tính trồng những vùng đất không được thiên nhiên ưu đãi về đất và nước. Bình quân mỗi ha cam các hộ và trang trại tạo ra trên 422 triệu đồng tiền giá trị sản xuất, mang lại cho các hộ nông dân, trang trại gần 330 triệu đồng thu nhập hỗn hợp, và khả thi về mặt kinh tế. Tuy nhiên, thực tế mở rộng nhanh chóng diện tích cam trong khi các yếu tố khác chưa phát triển tương đồng ảnh hưởng tới hạn chế tính bền vững trong phát triển sản xuất cam trên địa bàn, và đặc biệt là quản lý sâu bệnh, chất lượng giống, phân bón, đất đai, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, thủy lợi và giao thông. Trên cơ sở phân tích thực trạng, tiềm năng sản xuất cam, năm nhóm giải pháp chính được đề xuất nhằm phát triển sản xuất cam tại

huyện Quỳnh Hợp trong thời gian tới, bao gồm: quy hoạch, giống, thị trường, kỹ thuật, và hạ tầng cho sản xuất.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Van Nhi (2014). Nâng cao giá trị kinh tế cam Quỳnh Hợp. Truy cập ngày 6/7/2015 tại <http://www.baonghean.vn/kinh-te/201504/nang-cao-gia-tri-kinh-te-cam-quy-hop-2531499/>
- Phòng nông nghiệp huyện Quỳnh Hợp (2012 - 2014). “Báo cáo kết quả sản xuất Nông nghiệp 3 năm 2010 - 2013 và kế hoạch năm 2014 của huyện Quỳnh Hợp”.
- UBND huyện Quỳnh Hợp (2014). “Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội của huyện Quỳnh Hợp, tỉnh nghệ An qua 3 năm” ( 2010 - 2013).
- UBND huyện Quỳnh Hợp (2015). Dự thảo đề án phát triển vùng nguyên liệu Cam Quỳnh Hợp theo hướng sản xuất hàng hóa giai đoạn 2015 - 2020.